

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIÊN KHÁNH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Tín

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Phi

Bà Nguyễn Thị Mỹ An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 199x

Địa chỉ: Thôn M, xã N, thị xã N.H, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 199x

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện** đề ngày 23/02/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Nguyễn Thị D) và ông Nguyễn Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Sơn ngày 26/5/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên ăn nhậu và có hành vi bạo lực gia đình. Do lo sợ hành vi bạo lực của ông T nên từ năm 2017, bà không còn ở chung với ông T tại thôn Nam 2, xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh mà chuyển về nhà cha mẹ ruột tại xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa sinh sống cho tới nay. Trong suốt thời gian này, mỗi

người tự lo cuộc sống riêng của mình; không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 31/8/201x; hiện nay con đang sống chung với ông T. Trong thời gian con ở với ông T, ông T không chăm sóc con tốt; bản thân ông T là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Do vậy, khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà làm công nhân cho công ty chế biến hải sản với thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2022, bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông (Nguyễn Thành T) và bà D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Sơn ngày 26/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về nhà cha mẹ của ông tại thôn Nam 2, xã Diên Sơn sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Khi xảy ra kinh cãi, ông có đánh bà D vài lần dẫn đến bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa sinh sống từ năm 2017. Kể từ đó, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình; không còn quan tâm đến nhau. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà D nên đồng ý ly hôn bà D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 31/8/201x, hiện nay con đang sống chung với ông. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Hiện ông không có nghề nghiệp, công việc ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T; giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; các đương sự xác định

không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết. Nguyên đơn bà D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Thành T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 26/5/2014, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 39/2014; nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D xác định vợ chồng không còn tình cảm; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Ông T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2022, ông T khai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi; từ năm 2017, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống; ông không còn tình cảm với bà D nên đồng ý ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà D và ông T xác định vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 31/8/201x, hiện nay con đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà D và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi con. Xét thấy, theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Diên Sơn và biên bản xác minh tại Trường tiểu học Diên Sơn 2 ngày 08/9/2022 thì trong thời gian cháu T1 ở với ông T; ông T không chăm sóc con tốt, không tạo điều kiện thuận lợi cho con được học hành; bản thân ông T không có nghề nghiệp, công việc ổn định; là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu; từng bị Công an xã Diên Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe đối với con ruột là Nguyễn Anh T1 (Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC ngày 18/02/2021). Cháu Nguyễn Anh T1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, khi ly hôn cần giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày: 31/8/201x cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thành T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thành T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thành T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007748 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Như vậy, bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo

bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh  
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Tín**